

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.  
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2025, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự đã thụ lý số: 163/2024/TLST-DS, ngày 21 tháng 10 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973.

Trú tại: Khu phố V, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định.

*Bị đơn:* Ông Trần Ngọc M, sinh năm 1982;

Bà Dương Thị Cẩm D, sinh năm 1988;

Đồng trú tại: Khu phố P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Ngô Thị Ngọc P, sinh năm 1971;

Trú tại: Khu phố V, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1.** Vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị Ngọc P và vợ chồng ông Trần Ngọc M, bà Dương Thị Cẩm D thống nhất thỏa thuận như sau: Hiện nay vợ chồng ông Trần Ngọc M, bà Dương Thị Cẩm D còn nợ vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Ngô Thị Ngọc P số tiền 670.000.000đ (sáu trăm bảy mươi triệu đồng) và vợ chồng ông M, bà D có nghĩa vụ trả số nợ trên cho vợ chồng ông T, bà P, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 30/02/2025 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Lần 2: Ngày 30/3/2025 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Lần 3: Ngày 30/4/2025 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Lần 4: Ngày 30/5/2025 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Lần 5: Ngày 30/6/2025 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Lần 6: Ngày 30/7/2025 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 7: Ngày 30/8/2025 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 8: Ngày 30/9/2025 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 9: Ngày 30/10/2025 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 10: Ngày 30/11/2025 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 11: Ngày 30/12/2025 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 12: Ngày 30/01/2026 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 13: Ngày 30/02/2026 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 14: Ngày 30/3/2026 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 15: Ngày 30/4/2026 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 16: Ngày 30/5/2026 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 17: Ngày 30/6/2026 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 18: Ngày 30/7/2026 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 19: Ngày 30/8/2026 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 20: Ngày 30/9/2026 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 21: Ngày 30/10/2026 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 22: Ngày 30/11/2026 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 23: Ngày 30/12/2026 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 24: Ngày 30/01/2027 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 25: Ngày 30/02/2027 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 26: Ngày 30/3/2027 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 27: Ngày 30/4/2027 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 28: Ngày 30/5/2027 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 29: Ngày 30/6/2027 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 30: Ngày 30/7/2027 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 31: Ngày 30/8/2027 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 32: Ngày 30/9/2027 trả 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).  
Lần 33: Ngày 30/10/2027 trả 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

## **2.2. Về án phí:**

+ Vợ chồng ông Trần Ngọc M, bà Dương Thị Cẩm D tự nguyện chịu số tiền 16.750.000đ (mười sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), tiền án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách nhà nước.

+ Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002828, ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Định.

## **2.3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:**

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phước;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Quý Phúc**